

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân Ông Võ Duy Bảo

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị D**, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 8, xã Diễn H, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ hiện nay: 205 Dinh thự 3, số 13,5-30-13 KoenJi Minami, khu Suginami, Tokyo, Nhật Bản. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lê Văn Th**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 8, xã Diễn H, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang ở Hàn Quốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai nguyên đơn **Chị Lê Thị D** trình bày: Chị và anh Lê Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Diễn H, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì chị D trở lại Nhật Bản đi làm, sau đó anh Th cũng sang Nhật Bản làm việc với chị D, được một thời gian thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng kết hôn khi tuổi còn trẻ, chưa có kinh nghiệm trong cuộc sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, hai người tính tình không hợp nhau, anh Th là người kĩ

tính, hay chấp vạt vợ từ những chuyện sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do hết hạn Visa, anh Th phải trở về Việt Nam rồi không trở lại Nhật Bản cùng chị D, sau đó anh Th tự làm thủ tục sang Hàn Quốc làm ăn, từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chia sẻ cho nhau. Hiện tại, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung, không có con cái lại còn sống xa nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Th.

Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn Th không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn Th: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Lê Văn Th vắng mặt. Chị Lê Thị D không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Th cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh Th đang sinh sống tại Hàn Quốc. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu bà Lê Thị Thảo (là mẹ đẻ của anh Th), trú tại: Xóm 8 (nay là xóm 5), xã Diễn H, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu bà thông báo với anh Th để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến bà Lê Thị Thảo cho biết thời gian ở nước ngoài, anh Th thường xuyên liên lạc về với bà qua Facebook, Zalo; Thì không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc cho bà vì công việc làm ăn bên đó không ổn định, khi tìm được việc làm ở nơi này, khi tìm được việc làm ở nơi khác, không có địa chỉ ổn định, vì vậy bà Thảo không có địa chỉ của anh Th ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Bà đã thông báo cho anh Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị D và anh Th, anh Th có thông qua bà có ý kiến rằng nhất trí ly hôn với chị D. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Th liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Lê Thị D ly hôn với anh Lê Văn Th. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét; giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị D hiện cư trú tại Nhật Bản làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn

Th hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Th có địa chỉ cư trú tại xóm 8, xã Diễn H, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn Th vắng mặt, Tòa án đã gửi công văn yêu cầu bà Lê Thị Thảo (là mẹ đẻ của anh Th) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh Th biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Th; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Th liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh Th trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị Lê Thị D có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh Th sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì chị D trở lại Nhật Bản làm việc, anh Th cũng sang Nhật Bản làm việc với chị D, được một thời gian thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng kết hôn khi tuổi còn trẻ, chưa có kinh nghiệm trong cuộc sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, hai người tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do hết hạn Visa, anh Th phải trở về Việt Nam rồi không trở lại Nhật Bản cùng chị D, sau đó anh Th tự làm thủ tục sang Hàn Quốc làm ăn, từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chia sẻ cho nhau.

Xét thấy, chị D và anh Th không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Văn Th.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn Th không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Văn Th.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011909 ngày 23/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Chị Lê Thị D và anh Lê Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn H, h.Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

